TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2019/ HNGĐ-ST.
Ngày: 19/6/2019
" V/v Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Phẩm**

2/ Ông **Nguyễn Đinh Cường**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thanh Thủy**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT tham gia phiên tòa:* Ông **Huỳnh Hữu Tài** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở TAND huyện MT xét xử công khai vụ án thụ lý số: 300/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp: "*Xin ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị **Trần Ngọc H**, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- <u>*Bị đơn*</u>: Anh **Mai Bảo H1**, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TT, xã AP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2018 nguyên đơn chị Trần Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Mai Bảo H1 qua tìm hiểu đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã AP, huyện MT, số 28, ngày 13/4/2016.

Sau kết hôn chị H theo chồng chung sống tại gia đình bên chồng tại xã AP, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Mai Bảo H1 thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình và con cái, vợ chồng thường xuyên cự cải, bản thân chị và cha mẹ hai bên nhiều lần khuyên can hòa giải nhưng không có kết quả. Đầu tháng 9 năm 2017 chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Bảo H1.

Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung tên Mai Trần Nhã A, sinh ngày 27/11/2016, hiện do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhã A. Không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho anh Mai Bảo H1 biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện của chị H, nhưng anh H1 không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, các phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn và hòa giải cho các đương sự được.

Bị đơn Mai Bảo H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho phía bị đơn theo luật định nhưng vắng mặt không rõ lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh H1. Về con chung giao cháu Mai Trần Nhã A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H1 không cấp dưỡng nuôi con. Về Tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo luật định hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc H và anh Mai Bảo H1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 không lo làm ăn, kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, được cha mẹ hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến năm 2017 chị H về nhà cha mẹ ruột đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh H1 đều vắng mặt không có lý do, anh H1 không đến phiên tòa và không nhận các Quyết định của Tòa án, thể hiện anh từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung tên Mai Trần Nhã A, sinh ngày 27/11/2016, hiện do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: chưa yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227; các Điều 266; 267 của Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 09, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Ngọc H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc H được ly hôn với anh Mai Bảo H1.

2/ Về con chung: Giao cháu Mai Trần Nhã A, sinh ngày 27/11/2016, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Mai Bảo H1 có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: Chưa yêu cầu, nên không xem xét.

4/ Án phí: Buộc chị Trần Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT, theo biên lai thu số 0006730 ngày 28/11/2018, chị H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện MT;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS huyện MT;
- UBND xã AP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Huỳnh Thị Linh